

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	TD1+JS2+GTCl	7:25	11+10+1	0+0+0		6+15+1	0+0+0	
2	427	P3+TTC1+CLO	7:25	1+4+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
3	424	BK6+BK14+TD1	7:25	0+0+14	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYỂN 7 PAX TỪ BK6-BK14
4	619	MRM	7:25	13	0		3	0	
5	610	MRM	7:25	12	0		0	0	
6	406	JS2+P4	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
7	427	CLO+PPD+TD3	9:25	7+13+2	0+0+0		3+11+6	0+0+0	
8	618	MRM	11:00	12	0		0	0	
9	619	MRM	11:50	12	0		0	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: TD1 - JS2 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYEN - Vận - THỤ	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIKHALICHENKO S.IA	TD1	64	1	5		105	KHOAN	Russian
2	NGUYEN THANH THUY	TD1					64	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LANG	TD1	65	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC QUANG	TD1	73	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG	TD1	66-67	2	9	20	65	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN NGUYEN	TD1	68	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH SON	TD1	61	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
8	VU MANH HAI	TD1	70	1	2		81	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN NINH	TD1	69	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐANG TRỌNG BAI	TD1	71	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC HUNG	TD1	72	1	6	57	67	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG CUONG	JS2	74	1	10	30	75	KHOAN	Vietnamese
13	ROBERT LOGAN	JS2	79	1	10	15	131	KHOAN	American
14	DAO THANH HIEU	JS2	82	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
15	DINH VAN LAM	JS2	83	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DINH DUNG	JS2	78	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN TUAN NGHIA	JS2	81	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY THANH	JS2	73	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG HA	JS2	76	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC HAI	JS2	77	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
21	LE THANH NGOC	JS2	75	1	6		48	KHOAN	Vietnamese
22	LUU HONG THU	GTC1	300,02	2	14	10	50	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	11	44	798	77	6		
2	JS2	10	10	68	752	45	15		
3	GTC1	1	2	14	50	10	1		
TOTAL		22	23	126	1.600	132	22		
WEIGHT KG				126	1.600	132			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-May-18	TO: P3 - TTC1 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - VThắng - Vũ	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUU TRI	P3	83	1	5	40	55	GET	Vietnamese
2	PHAM XUAN KHOA	TTC1	86	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN CANH	TTC1	58	1	10	15	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU LONG	TTC1	37	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HUYNH VU	TTC1	39	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI ĐỨC LUAN	CLO	18	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
7	SAFONOV BORIS	CLO	02	1	10		80	KHOAN	Russian
8	HOANG VAN TRUNG	CLO	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUY NAM	CLO	12	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VINH	CLO	13	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
11	VÔ VAN HUNG	CLO	16	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	15	1	3	50	70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	08	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUY	CLO	11	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO THANH LIÊM	CLO	14	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
16	CAO VĂN VIỆT	CLO	05	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
17	LE MINH HOANG	CLO	17	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM MINH HOANG	CLO	01	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	03	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN THANG	CLO	06-07	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
21	LE HUU HAU	CLO	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN SƠN	CLO	04	1	5		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	1	1	5	55	40	1		
2	TTC1	4	4	40	271	15	0		
3	CLO	17	18	88	1.235	50	21		
TOTAL		22	23	133	1.561	105	22		
WEIGHT KG				133	1.561	105			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: BK6 - BK14 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Cương - ĐANG	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THU	TD1	39	1	12		70	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN HAI ĐANG	TD1	40	1	15		79	DVL	Vietnamese
3	PHAM VAN SANG	TD1	34-35	2	12		68	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC PHUNG	TD1	41-42	2	19		59	DVL	Vietnamese
5	TRAN QUANG HUY	TD1	48	1	15		89	DVL	Vietnamese
6	TANG TIEN TOAN	TD1	47	1	10		90	DVL	Vietnamese
7	VU MANH NAM	TD1	44	1	12	25	75	DVL	Vietnamese
8	ĐAO VAN YEN	TD1	36	1	8		63	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VINH KHA	TD1	38	1	8		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN MANH TRUONG	TD1	43	1	13		80	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC NINH	TD1	45	1	11		75	DVL	Vietnamese
12	VU HAI THANG	TD1	46	1	15		76	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC HUNG	TD1	37	1	8		81	DVL	Vietnamese
14	PHAM HUU HIEU	TD1	99	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	0	0	0	0	0	1		CHUYEN 7 KHACH TU BK6 SANG BK14
2	BK14	0	0	0	0	70	0		
3	TD1	14	16	163	1.038	25	21		
TOTAL		14	16	163	1.038	95	22		
WEIGHT KG				163	1.038	95			

GRAND TOAL: 1.296 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HHai - Toàn	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV EVGEHII	MRM	69	1	3		98	KHOAN	Russian
2	NGUYEN TUNG SON	MRM	70	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TAI	MRM	71	1	7	17	65	KHOAN	Vietnamese
4	XADOVNICHENCO D.N	MRM	76	1	10		95	KHOAN	Russian
5	NGUYEN XUAN SON	MRM	74	1	6	137	67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIET SU	MRM	75	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
7	TYUNIN DMITRY	MRM	63	1	2		88	KHOAN	Russian
8	KIIASHKO VITALII	MRM	67	1	7		123	KHOAN	Russian
9	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	64	1	4		88	KHOAN	Russian
10	KUSHNAREV IGOR	MRM	68	1	8		92	KHOAN	Russian
11	DENIKIN SERGEY	MRM	65	1	7		93	KHOAN	Russian
12	IVANOV NIKOLAY	MRM	62	1	7		80	KHOAN	Russian
13	KUMBA ZHAN ROBER	MRM	65	1	5		80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	13	78	1.093	154	3		REMOVES 2 SEATS FOR LOADING CARGO
TOTAL		13	13	78	1.093	154	3		
WEIGHT KG				78	1.093	154			

GRAND TOAL: 1.325 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Trọng - CÔNG	ETA: 10:45
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GENNADY DVORYANKIN	MRM	38	1	17		102	KHOAN	Russian
2	BAEV .IU	MRM	45	1	7		85	KHOAN	Russian
3	GIGALOV V . A	MRM	44	1	10		105	KHOAN	Russian
4	RATUSHNYI VLADIMIR	MRM					125	KHOAN	Russian
5	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	39	1	5		75	KHOAN	Russian
6	FILATOV SERGEY	MRM	41-42	2	10		110	KHOAN	Russian
7	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	43	1	5		107	KHOAN	Russian
8	BREUSOV ALEKSANDR	MRM	40	1	7		58	KHOAN	Russian
9	LE VAN HIEN	MRM	47	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
10	BUI DUC CHUYEN	MRM	48	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG TUAN NAM	MRM	81	1	14		57	KHOAN	Vietnamese
12	VU DINH HUNG	MRM	46	1	5		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	12	90	1.028	0	0		
	TOTAL	12	12	90	1.028	0	0		
	WEIGHT KG			90	1.028	0			

GRAND TOAL: 1.118 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: JS2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TUYEN - Van - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC MANG	JS2	41	1	10	16	74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	49	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LINH	JS2	61	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THAI LAM	JS2	52	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
6	LUU VAN LOI	JS2	60	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THAI HOP	JS2	58	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	DO ANH TUAN	JS2	42	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG DONG	JS2	39	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HOAI NIEM	JS2	67	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MINH	JS2	62	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
12	HUA QUANG TAM	JS2	51	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	59	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN BA KHANH	JS2	43	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN VINH	JS2	54-55	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH VU	JS2	56-57	2	20		72	KHOAN	Vietnamese
17	VO THANH DOAN	JS2	40	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
18	NGO THANH SON	JS2	53	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
19	LE THANH TU	JS2	44	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THAI BINH	JS2	45-46	2	10		69	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN LỢI	JS2	47-48	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN MẠNH HUNG	JS2	64	1	14	14	71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	26	213	1.518	30	18		
2	P4	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	213	1.518	30	22		
WEIGHT KG				213	1.518	30			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: CLO - PPD - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - VThắng - Vũ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	28	1	10		60	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TUYEN	CLO	29	1	10		58	DVL	Vietnamese
3	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	30	1	7		70	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN HAM HA	CLO	31	1	10		70	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN CHI CONG	CLO	23	1	5	25	70	NIPI	Vietnamese
6	PANOV	CLO	24	1	5		90	NIPI	Russian
7	ISATOV	CLO	25	1	7		85	NIPI	Russian
8	NGUYEN THANH NGO	PPD	54	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
9	LUU QUANG DAT	PPD	97	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
10	CAO XUÂN DUNG	PPD	79	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DUNG	PPD	98	1	10		52	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN ĐƯƠNG	PPD	99	1	7		64	CODIEN	Vietnamese
13	TRINH NGOC TU	PPD	53	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM TỬ ANH	PPD	80	1	14		60	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRUONG	PPD	57	1	3		56	XAYLAP	Vietnamese
16	TRUONG ANH TUAN	PPD	58	1	5	30	71	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI HONG DUONG	PPD	55	1	5		67	NIPI	Vietnamese
18	PHAM HONG QUANG	PPD	62	1	5		60	NIPI	Vietnamese
19	ĐẶNG DUY HẠNH	PPD	56	1	5		65	NIPI	Vietnamese
20	NGUYEN DUY ANH	PPD	63	1	10		72	NIPI	Vietnamese
21	TRUONG VAN HONG	TD3	01	1	8		60	HDONG	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC PHI	TD3	02-03	2	11		70	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	7	54	503	25	3		
2	PPD	13	13	94	842	30	11		
3	TD3	2	3	19	130	0	6		
TOTAL		22	23	167	1.475	55	20		
WEIGHT KG				167	1.475	55			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-May-18	TO: MRM	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hoài - ĐTrung	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KASHPUR RUSLAN	MRM	84	1	10		107	KHOAN	Russian
2	GAREEV TIMUR	MRM	83	1	15		102	KHOAN	Russian
3	BABKO RADAMES	MRM					106	KHOAN	Russian
4	IAKUNIN IGOR	MRM	86	1	6		93	KHOAN	Russian
5	FERAFONTOV EVGENY	MRM	87	1	5		98	KHOAN	Russian
6	NAUMOV SERGEY	MRM	90	1	6		80	KHOAN	Russian
7	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	85	1	7		78	KHOAN	Russian
8	BYKOV VASILII	MRM					95	KHOAN	Russian
9	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	88-89	2	11		90	KHOAN	Russian
10	SELIVANOV SERGEY	MRM					95	KHOAN	Russian
11	CAO VAN DUNG	MRM	94	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO HUU LUU	MRM	82	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	10	76	1.079	0	0		
	TOTAL	12	10	76	1.079	0	0		
	WEIGHT KG			76	1.079	0			

GRAND TOAL: 1.155 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HLONG - MTien	ETA: 14:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA THAI DUONG	MRM	87	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
2	KHONG VAN LINH	MRM	89	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN KY	MRM	94	1	12	30	67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH CUONG	MRM					90	KHOAN	Vietnamese
5	RATUSHNYI EVGENII	MRM	85-86	2	10		81	KHOAN	Russian
6	KOZLOV IURII	MRM	88	1	8		89	KHOAN	Russian
7	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	82	1	8		83	KHOAN	Russian
8	ZINKOVSKII ANDREI	MRM					76	KHOAN	Russian
9	CAO THANH SAC	MRM	93	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐANG VAN DU	MRM	91	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
11	LUONG ĐUC HUNG	MRM	90	1	8		59	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN HUY	MRM	83-84	2	12		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	12	87	853	30	0		
	TOTAL	12	12	87	853	30	0		
	WEIGHT KG			87	853	30			

GRAND TOAL: 970 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+RC5+RP3	7:25	7+6+9	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
2		RP2+VSP01+P8	7:25	13+5+4	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
3		RCDM+RP3	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
4		T.JUNG	7:25	18	0		19	0	
5		GTCl+CTK3+TD2	9:25	6+0+16	0+0+0		4+0+18	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ GTCl-CTK3
6		RP1+P2+TD2	9:25	19+0+3	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
7		RC4+RC6+RP2	9:25	5+5+12	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
8		RCDM+RP1	11:25	9+12	0+0		6+16	0+0	
9		RC3+RP2+RC5	11:25	8+6+7	0+0+0		5+7+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY: RC5, RCDM, RC3-ING, RP2-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2018	TO: RC3 - RP2 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Phong - <i>Việt</i> - Năm	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH NAM	RC3	38	1	12		60	CODIEN	Vietnamese
2	BUI VAN MINH	RC3	36	1	10		58	CODIEN	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC ANH	RC3	33	1	12		79	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	RC3	35	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	RC3	37	1	15		64	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HÙNG	RC3	40-41	2	10		71	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RC3	39	1	9		85	T-TIN	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN GIANG	RC3	34	1	2		70	GETRACO	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THANH	RP2	35	1	6	35	60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ QUANG LUYỆN	RP2					57	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ DUY QUYÊN	RP2	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	34	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	33	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN CAO MÔNG	RP2	32	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
15	VŨ TRỌNG TU	RP2	31	1	5		61	H-DONG	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CỤC	RC5	51-52	2	20		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RC5	56	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH TUẤN	RC5	55	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ HẠNH	RC5	54	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	KIM NHẬT THANH	RC5	58	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
21	CAO QUANG HÙNG	RC5	57	1	10	30	104	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	53	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	9	80	558	0	5		
2	RP2	7	6	33	430	35	7		
3	RC5	7	8	71	531	30	10		
TOTAL		22	23	184	1.519	65	22		
WEIGHT KG				184	1.519	65			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2018	TO: RP2 - VSP01 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Luy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EGOROV	RP2	96	1	2	40	108	D-HANH	Russian
2	BAGNHIUKOV	RP2	97	1	2		95	D-HANH	Russian
3	BAMBUROV E.N.	RP2	92	1	15		92	KH-THAC	Russian
4	AVDEEV	RP2	95	1	2		118	NIPI	Russian
5	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	RP2	25-26	2	10		77	GETRACO	Vietnamese
6	LAI ĐỨC HAO	RP2	89-91	3	18		78	YTE	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐÔNG	RP2	700	1	8	20	82	KH-THAC	Vietnamese
8	GARIBEKOV M. K	RP2	88	1	5		95	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN VAN CUONG	RP2	99	1	2		50	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THAO	RP2	94	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC VINH	RP2	93	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	98	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VU ANH TUNG	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VAN DIEP	VSP01	17	1	5	50	70	PSV	Vietnamese
15	LE CAO HAI	VSP01	14	1	6		66	PSV	Vietnamese
16	DUONG BA HUNG	VSP01					72	PSV	Vietnamese
17	ĐINH ĐOÀN TUNG	VSP01	16	1	9		62	PSV	Vietnamese
18	HÀ THÈ BÌNH	VSP01	15	1	2		69	PSV	Vietnamese
19	NG. XUÂN HAI	P8	36	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH TUE	P8	34	1	2		54	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEU	P8	33	1	5		50	PSV	Vietnamese
22	LE VAN DUONG	P8	35	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	15	79	1.058	60	12		
2	VSP01	5	4	22	339	50	5		
3	P8	4	4	19	219	0	5		
TOTAL		22	23	120	1.616	110	22		
WEIGHT KG				120	1.616	110			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18-May-18	TO: RCDM - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PANKRATOV	RCDM				60	104	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN TRỌNG KHANG	RCDM	68	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOANG	RP3	28	1	5	55	82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN LY	RP3	30	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TU THANG	RP3	33	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CONG	RP3	43	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU THE ANH	RP3					76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	RP3	40-41	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG THE DUNG	RP3	27	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TU HAI	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG VAN LUONG	RP3	42	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG XUAN HUNG	RP3	37	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN HIEN	RP3	47	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH HO	RP3	38	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DOAN THANH	RP3	29	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ĐỨC HUY	RP3	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG QUANG THUONG	RP3	35	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO QUANG THANG	RP3	31	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
20	TA TRUNG DUNG	RP3	32	1	11		96	KH-THAC	Vietnamese
21	TRUONG QUANG TUU	RP3	39	1	5		69	T-TIN	Vietnamese
22	LE CHI CONG	RP3	34	1	10		78	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	2	1	8	168	60	0		
2	RP3	20	18	101	1.443	55	22		
TOTAL		22	19	109	1.611	115	22		
WEIGHT KG				109	1.611	115			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VDũng - Tường	ETA: 10:40
XANH-1			

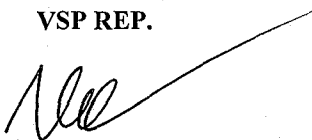
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY TUAN	BK THIE	54	1	5		81	PVD TRAIN	Vietnamese
2	TA MANH HUNG	BK THIE	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUY TOAN	BK THIE	65-66	2	14		51	KH-THAC	Vietnamese
4	NG. VAN NHAN	BK THIE	60	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
5	BAGRAMOV	BK THIE	50	1	8		96	KH-THAC	Russian
6	PHAM GIAP TRI	BK THIE	62	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIET TUNG	BK THIE	58	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH TAM	BK THIE	63	1	3	80	73	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN THONG	BK THIE	53	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
10	HO DINH HUY	BK THIE	52	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
11	DO VAN CUONG	BK THIE	49	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NAM SINH	BK THIE	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUY DU	BK THIE	56	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG MANH HA	BK THIE	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HONG QUANG	BK THIE	64	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	LE ANH TUAN	BK THIE	67	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
17	VU HUNG TUAN	BK THIE	59	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN SON	BK THIE	57	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	19	90	1.276	80	19		
	TOTAL	18	19	90	1.276	80	19		
	WEIGHT KG			90	1.276	80			

GRAND TOAL: 1.446 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-May-18	TO: GTC1 - CTK3 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Luy	ETA: 11:10

rank 2

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN TUYẾN	GTC1	98	1	14	40	75	XAYLAP	Vietnamese
2	LE KHAC PHUONG	GTC1	99	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHA	GTC1	82,93	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN ĐÀU	GTC1	96-97	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LE ĐANG TIEN	GTC1	94	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
6	LE XUAN TINH	GTC1	95	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HAI	TD2	61	1	7	35	78	KHOAN	Vietnamese
8	GROMOV S.A	TD2	67	1	8		83	KHOAN	Russian
9	LE ĐỨC THỌ	TD2	63	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	58	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	62	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUAN	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRUNG THỌ	TD2					74	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH QUAN	TD2	66	1	5	67	80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG	TD2	65	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	60	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	68	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ MINH HẢI	TD2	64	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
19	LE TRƯỜNG LAM	TD2	59	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	LE HUY TUYẾN	TD2	57	1	11		54	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG MẠNH HUNG	TD2	69	1	4		85	GETRACO	Vietnamese
22	TRAN HUU THƯƠNG	TD2	70	1	12		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	8	79	414	40	4	2	CHUYEN 2 PAX GTC1 SANG CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	6	0		
3	TD2	16	14	81	1.167	102	18		
TOTAL		22	22	160	1.581	148	22		
WEIGHT KG				160	1.581	148			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2018	TO: RP1 - P2 - TD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Cương - ĐANG	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAMEDOV	RP1	04	1	5		90	KH-THAC	Russian
2	PHAN VĂN NGỌ	RP1	06-07	2	10		60	YTE	Vietnamese
3	KAZAKOV	RP1	03	1	5		80	KH-THAC	Russian
4	KHALIMOV	RP1	05	1	7		84	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THIỆN	RP1	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG TUNG	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MINH HIỆU	RP1	13	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
9	TẠO QUANG NGÂN	RP1	16	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	14	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	02	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
13	TƯỜNG ANH CẠC	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC HỒNG	RP1	11	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG ĐÌNH BA	RP1	09	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	10	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	12	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUY	RP1	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	17	1	2	35	80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC THÈ	TD2	03	1	3		65	GETRACO	Vietnamese
21	ĐÌNH EM	TD2	01	1	2	71	67	GETRACO	Vietnamese
22	PHAN VĂN AN	TD2	02	1	4		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	19	17	77	1.366	35	10		
2	P2	0	0	0	0	28	7		
3	TD2	3	3	9	191	71	5		
TOTAL		22	20	86	1.557	134	22		
WEIGHT KG				86	1.557	134			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2018	TO: RC4 - RC6 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	97	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC4	95	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN CÔNG	RC4	96	1	4	55	79	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU TIẾN BÌNH	RC4	94	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VĂN TUÔNG	RC4	49	1	3		64	PSV	Vietnamese
6	TRẦN MINH THỊ	RC6	75	1	5		110	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VĂN TUNG	RC6	73	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TRUNG	RC6	74	1	3	55	85	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN TRƯỜNG	RC6	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	KIEU MINH QUYẾT	RC6	71	1	4		63	PSV	Vietnamese
11	ĐAO VĂN TUẤN	RP2	04	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					66	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ ĐỨC LONG	RP2	02	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUANG LỢI	RP2	03	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH LUÂN	RP2	12	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	06	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH DUY	RP2	07	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN QUÂN	RP2	10-11	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	05	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	08	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THANH TUẤN	RP2	01	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	09	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	5	5	25	351	55	5		
2	RC6	5	5	23	392	55	5		
3	RP2	12	12	60	779	0	12		
TOTAL		22	22	108	1.522	110	22		
WEIGHT KG				108	1.522	110			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-May-18	TO: RCDM - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Luy	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	RCDM	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐẶC TOÀN	RCDM	71	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUỐC VIỆT	RCDM	74-75	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	82	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU TUẤN ANH	RCDM	78-79	2	7		60	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ HỮU TƯỜNG	RCDM	80-81	2	7		55	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ THANH HIỆU	RCDM	77	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN ANH QUANG	RCDM	72-73	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
9	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	76	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	PHAN THANH CÔNG	RP1	34	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG THẾ ANH	RP1	31	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	23	1	5	70	73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ VŨ	RP1	33	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VIỆT THUẬN	RP1	25	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRUNG KIẾN	RP1	26	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LẠI ANH TUẤN	RP1	29	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN TÂM	RP1	27	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH TRUNG	RP1	28	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI XUAN TRUONG	RP1	32	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	9	13	67	601	0	6		
2	RP1	12	12	94	834	70	16		
TOTAL		21	25	161	1.435	70	22		
WEIGHT KG				161	1.435	70			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/05/2018	TO: RC3 - RC5 - RP3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Cuong - ĐANG	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIKITIN	RC3	25	1	3		87	ANTOAN	Russian
2	LÊ CHI CUÔNG	RC3	27	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẬU HUY HOANG	RC3	28	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC HAI	RC3	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO TUAN ANH	RC3	30	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TAN HONG	RC3	26	1	5	30	64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VU	RC5	44	1	5		73	NIPI	Vietnamese
8	ZELENSKY	RC5	42	1	5	50	78	KH-THAC	Russian
9	TRẦN NAM THĂNG	RC5	43	1	6		99	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN NINH	RC5					72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TY	RC5					66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LINH	RC5	45	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	IAKHIN RUSTEM	RP3	01	1	6		77	KH-THAC	Russian
14	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3				20	60	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG CONG QUAN	RP3	06	1	5		84	KHI	Vietnamese
16	VƯƠNG VĂN THÔNG	RP3	04-05	2	11		67	YTE	Vietnamese
17	TRẦN VĂN SƠN	RP3	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HÙNG CUÔNG	RP3	02	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ANH	RP3	07	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRỌNG VU	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	08	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	6	6	36	409	30	4		
2	RC5	6	4	21	438	50	5		
3	RP3	9	8	39	651	20	13		
TOTAL		21	18	96	1.498	100	22		
WEIGHT KG				96	1.498	100			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCL+RC5+TD5	7:25	2+0+14	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYỂN 6 PAX TỪ GTCL-RC5
2		TD1+IS2	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
3		TD3	7:25	22	0		21	0	
4		CLO+P5+TD1	9:25	17+0+1	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
5		P7+P11+TD5	9:25	14+1+7	0+0+0		14+0+8	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2018	TO: GTC1 - RC5 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG XUÂN QUANG*	GTC1	36	1	15	16	57	XAYLAP	Vietnamese
2	HA ĐỨC TÙNG	GTC1	37	1	12		56	XAYLAP	Vietnamese
3	HỒ HOAN KIÊM	TD5	16	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD5	19	1	14		85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TẤN TÀI	TD5	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	BÀO NGUYỄN LỘC	TD5	10	1	2	30	62	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUYẾT TIẾN	TD5	08	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN BA HOA	TD5	17	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	LE VŨ NGỌC	TD5	11	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD5					77	KHOAN	Vietnamese
11	NHÂM ĐỨC QUANG	TD5	18	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
12	LAM VĂN HẠNH	TD5	14	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ VĂN ANH	TD5	07	1	5		77	PSV	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD5	12	1	6		75	PSV	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN THĂNG	TD5	15	1	2		71	PSV	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	13	1	2		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	27	113	16	2	6	CHUYEN 06 PAX TU GTC1 SANG RC5
2	RC5	0	0	0	0	0	0		
3	TD5	14	13	68	1.004	30	20		
TOTAL		16	15	95	1.117	46	22		
WEIGHT KG				95	1.117	46			

GRAND TOAL: 1.258 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-May-18	TO: TD1 - JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hôi - CHIÊN - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NAM*TT	TD1	82	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
2	SMAKOV A.A	TD1	900	1	10		80	KHOAN	Russian
3	BUI VAN LUAN	TD1	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	88	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN HUY QUANG	TD1	75	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	79	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH HUY TOAN	TD1	54	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THANH TUAT	TD1	28	1	9		52	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	27	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
10	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	76	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ QUÝ VINH	TD1	80	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	86	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
13	QUÁCH VĂN CỬ	TD1	400	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	LE LONG	TD1	84	1	5	90	80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	TD1	49	1	9		65	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD1	83	1	8		72	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYỄN BA THUẬN	TD1	88-89	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
18	LE VĂN DŨNG	TD1	50	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TOÀN THẮNG	TD1	85-87	3	29		70	CODIEN	Vietnamese
20	CÚ NGỌC HỒNG	TD1	87	1	9		70	DVL	Vietnamese
21	CHU ĐÌNH THANH	TD1	81	1	7		60	DVL	Vietnamese
22	KHARGINOV	JS2	67	1	10	5	75	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	24	171	1.461	90	21		
2	JS2	1	1	10	75	5	1		
TOTAL		22	25	181	1.536	95	22		
WEIGHT KG				181	1.536	95			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2018	TO: TD3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Trọng - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	38	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THỌ	TD3	32	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	40	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN KHOA	TD3	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	VÔ VĂN DÙNG	TD3	46	1	5	10	85	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN LÊ KIÊN	TD3	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ DUY CHINH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
8	KHUẤT QUANG KIÊN	TD3	48	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3					100	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ VĂN PHÚC	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	44	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIN	TD3	50	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ MINH TRINH	TD3	49	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TRI	TD3	35	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN MŨI	TD3	37	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HUE	TD3	36	1	5	35	62	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC LUÂN	TD3	34	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MẠNH	TD3	33	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THUY	TD3	47	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	41-42	2	10		65	YTE	Vietnamese
21	DƯƠNG QUANG VINH	TD3	51	1	7		85	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	45	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	20	137	1.567	45	21		
	TOTAL	22	20	137	1.567	45	21		
	WEIGHT KG			137	1.567	45			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-May-18	TO: CLO - P5 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - PTUẤN	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUANG HIEN	CLO	39-40	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	CLO	36	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHOA	CLO	32	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
4	PHUNG BA TUAT	CLO	33	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	49	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO TRUONG GIANG	CLO	38	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CONG BANG	CLO	46	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
8	VU MANH HUNG	CLO	42	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN ĐANG	CLO	41	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUAN DUY	CLO	44	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN TRINH QUOC VUONG	CLO	37	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
12	BUI QUANG TUYNH	CLO	48	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
13	BUI THAI QUI	CLO	45	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUYNH TRUNG	CLO	47	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY QUANG	CLO	34-35	2	15		91	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	CLO	43	1	7		74	PSV	Vietnamese
17	PHAN NGOC TIEN	TD1	57	1	7		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	18	109	1.134	0	13		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
3	TD1	1	1	7	60	0	6		
TOTAL		17	19	116	1.194	0	21		
WEIGHT KG				116	1.194	0			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2018	TO: P7 - P11 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - Trường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH THẮNG	P7	44-45	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN SĨ HẢI	P7	36	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
3	CÚ VIỆT LONG	P7	46	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DE	P7	24	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LONG	P7	39-40	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG QUAN	P7	42	1	14		56	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯỜNG VĂN ĐỨC	P7	29	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VINH PHONG	P7	50	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI ĐÌNH THU	P7	25	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG KHAC CUONG	P7	18	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚC HIẾN	P7	47-48	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
12	HA MẠNH DUNG	P7	43	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT CƯỜNG	P7	37-38	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÙNG	P7	41	1	16		73	XAYLAP	Vietnamese
15	MERZLIKIN	P11	53	1	5		75	NIPI	Russian
16	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	25	1	4		75	PSV	Vietnamese
17	PHI TRƯỜNG SƠN	TD5	27	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	24	1	5		74	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	23	1	5		88	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	26	1	4		66	PSV	Vietnamese
21	BUI NGỌC TÂN	TD5	22	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	14	18	180	923	0	14		
2	P11	1	1	5	75	0	0		
3	TD5	6	6	28	431	0	8		
TOTAL		21	25	213	1.429	0	22		
WEIGHT KG				213	1.429	0			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		TD2+P3	7:25	20+0	0+0		19+1	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-May-18	TO: TD2 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHOAN - THỤ	ETA: 09:10
Xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN VANG*TT	TD2	29-30	2	6		64	KHOAN	Vietnamese
2	TELESHENKO IA	TD2	12	1	15		115	KHOAN	Russian
3	BUI THỌ DUƠNG	TD2	09	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VĂN DIỆP	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH QUỐC KHANH	TD2	19	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM THÈ CHUYỀN	TD2	26	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	13-14	2	10		88	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	18	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	10	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN HUAN	TD2	08	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN THUY	TD2	27	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	21	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD2	17	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ĐỨC THÂN	TD2	11	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HAI NGẠN	TD2	20	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN LỘC	TD2	22	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD2	23	1	13		78	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM TIÊN CƯỜNG	TD2	24-25	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
19	NIKITIN	TD2	28	1	10		90	ANTOAN	Russian
20	NGUYỄN QUANG HOAN	TD2	31	1	5		78	DVL	Vietnamese
21	MULNUCHKIN	TD2	15	1	15		90	DVL	Russian
22	MESHKOV	TD2	16	1	12		80	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	24	187	1.648	0	19		
2	P3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	187	1.648	0	20		
WEIGHT KG				187	1.648	0			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN